

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Kim Thanh

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 582/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc G, sinh năm 1987

Cư trú: Số 155/2 đường T, Khóm 5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Trần Trung Th, sinh năm 1988

Cư trú: Số 4C2, khóm B2, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà G có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông Trần Trung Th tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 15 tháng 02 năm 2017. Lúc đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì bắt đầu thường

xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không chung ý nguyện. Hiện nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà G và ông Th có 01 con chung là cháu Trần Phạm Bảo A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2017. Hiện nay, cháu Bảo A đang do bà G chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Th sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Trung Th: Vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Th vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà G và ông Th kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó bà G yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải nhưng bà G vẫn kiên quyết ly hôn, ông Th thì vắng mặt dù Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, không có ý kiến trình bày. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà G và ông Th không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung, xét thấy con chung cháu Trần Phạm Bảo A đang sinh sống với bà G, do đó để đảm bảo ổn định về tinh thần và quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên chấp nhận giao cháu Anh cho bà G chăm sóc, nuôi dưỡng theo các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Bà G không yêu cầu cấp dưỡng nên ông Th không phải cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Ngọc G và ông Trần Trung Th có đăng ký kết hôn; bà G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Th là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố L. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông Th tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 15 tháng 02 năm 2017. Bà G cho rằng đến năm 2019 thì bà và ông Th phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà G yêu cầu ly hôn với ông Th. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Th vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông Th không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, bà G và ông Th không còn chung sống với nhau, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà G xác định bà và ông Th có một con chung là cháu Trần Phạm Bảo A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2017, bà G yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Ông Th không cung cấp ý kiến cho Tòa án về vấn đề con chung. Hiện nay cháu Bảo A đang do bà G nuôi dưỡng. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu Bảo A, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G về việc nuôi con chung. Về mức cấp dưỡng, do bà G không yêu cầu nên ông Th không phải cấp dưỡng cho cháu Bảo A.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Th không có ý kiến về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 9; 19; 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc G được ly hôn với ông Trần Trung Th.
2. Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc G và ông Trần Trung Th có 01 con chung là cháu Trần Phạm Bảo A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Bà Phạm Thị Ngọc G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung tên Trần Phạm Bảo A.

Bà Phạm Thị Ngọc G và thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Trung Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ông Trần Trung Th không phải cấp dưỡng cho cháu Trần Phạm Bảo A.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0005155 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. L;
- UBND p. M, tp L;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang